

Bản án số: 296/2019/DS-ST

Ngày: 24/07/2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bình

Bà Lâm Thị Thanh Thúy

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T: Ông Nguyễn Trúc Giang - KSV

Ngày 24 tháng 07 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 369/2017/TLST-DS ngày 07/11/2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2019/QĐXXST-DS ngày 26/06/2019 giữa các đương sự:

1, *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị X– sinh năm 1971.

Địa chỉ: đường N, phường T, quận B, TP Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Kim Q – Công ty luật TNHH L, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh

2, *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Thu H– sinh năm 1971.

Địa chỉ: đường Q, phường E, quận T, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - Bà Phan Thị X trình bày: Ngày 25/05/2011 bà Phạm Thị Thu H có ký giấy vay của bà số tiền 1.000.000,000 đ (một tỷ đồng) hẹn 1 tuần thanh toán và giao cho bà giữ các bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 070417 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/10/2007; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/12/2010 tại văn phòng công chứng N, tỉnh Đồng Nai; hợp đồng ủy quyền ngày 14/12/2010 tại văn phòng công chứng N, tỉnh Đồng Nai. Do bà H không trả tiền cho bà theo thỏa thuận trong giấy ngày 25/5/2011, nay bà yêu cầu bà H phải thanh toán cho bà khoản tiền gốc là 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng) và lãi 70 tháng (1%/ tháng) là 700.000.000 đ (Bảy trăm triệu đồng), lãi phạt (150%/tháng) là 350.000.000 đ, tổng số tiền là: 2.050.000.000 đ (Hai tỷ không trăm năm mươi triệu đồng), sau khi bà H thanh toán đủ số tiền trên, bà trả lại các giấy tờ bà H đã giao cho bà trong giấy ngày 25/5/2011 cho bà H.

Bị đơn bà Phạm Thị Thu H vắng mặt mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nên Tòa án không lấy lời khai của bị đơn được.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày : Nguyên đơn yêu cầu bà Phạm Thị Thu H phải trả khoản nợ gốc là 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng) và trả lãi đối với số tiền trên bắt đầu từ ngày 02/6/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, thời hạn trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn – bà Phạm Thị Thu H vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục, Tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Về phần nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết: Bà Phan Thị X yêu cầu bà Phạm Thị Thu H có địa chỉ tại đường Q, phường E, quận T, TP.HCM trả nợ theo giấy vay tiền ngày 25/05/2011. Xét việc khởi kiện của bà X phù hợp với qui định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn - bà Phạm Thị Thu H nhưng bị đơn vắng mặt, căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét yêu cầu của bà Phan Thị X về việc yêu cầu bà Phạm Thị Thu H phải trả số tiền 1.000.000.000 đ (Một tỷ đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 25/05/2011 bà Phạm Thị Thu H có ký giấy vay của bà Phan Thị X số tiền 1.000.000.000 đ (Một tỷ đồng) hẹn một tuần thanh toán, trong giấy vay tiền này có ghi thể chấp toàn bộ quyền sử dụng đất số AL 070417, hợp đồng ủy quyền, hợp đồng bán chính. Theo lời bà X trình bày khi bà H vay của bà số tiền 1.000.000.000 đ (Một tỷ đồng) có giao cho bà giữ các giấy tờ sau: bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 070417 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/10/2007; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/12/2010 tại văn phòng công chứng N, tỉnh Đồng Nai; hợp đồng ủy quyền ngày 14/12/2010 tại văn phòng công chứng N, tỉnh Đồng Nai, bà đồng ý trả lại các giấy tờ trên cho bà H sau khi bà H thanh toán cho bà đủ số tiền nợ gốc nêu trên và tiền lãi. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý, kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ nhưng bà Phạm Thị Thu H không có ý kiến phản hồi, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị X về việc yêu cầu bà Phạm Thị Thu H phải trả cho bà X số tiền 1.000.000.000 đ (Một tỷ đồng).

Đối với yêu cầu của bà X về việc yêu cầu bà H phải trả lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại giấy vay ngày 25/05/2011 hai bên không thỏa thuận lãi suất, trong giấy ghi

hẹn một tuần thanh toán, do đó thời hạn bắt đầu tính lãi là ngày 02/6/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, từ ngày 02/6/2011 đến ngày 01/01/2017 sẽ tính lãi theo mức lãi suất 9%/năm là: 66 tháng 1 ngày x 0,75%/tháng x 1.000.000.000 đ = 495.250.000 đ, từ ngày 02/01/2017 đến ngày 24/7/2019 sẽ tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm là: 30 tháng 23 ngày x 0,83%/tháng x 1.000.000.000 đ = 249.276.666 đ, Như vậy bà H có trách nhiệm trả cho bà X số tiền lãi là: 495.250.000 đ + 249.276.666 đ = 744.526.666 đ.

Sau khi bà H thanh toán cho bà X đủ số tiền gốc và lãi trên bà X có trách nhiệm trả lại cho bà H các giấy tờ gồm: bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 070417 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/10/2007; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/12/2010 tại văn phòng công chứng N, tỉnh Đồng Nai; hợp đồng ủy quyền ngày 14/12/2010 tại văn phòng công chứng N, tỉnh Đồng Nai.

Bà Phạm Thị Thu H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 64.335.799 đ.

Hoàn lại cho bà Phan Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự số 33/2011/QH11 ngày 14/06/2005;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị X.

Bà Phạm Thị Thu H phải thanh toán cho bà Phan Thị X số tiền gốc là 1.000.000.000 đ (Một tỷ đồng) và tiền lãi là 744.526.666 đ (Bảy trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), tổng cộng là 1.744.526.666 đ (Một tỷ bảy trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Sau khi bà Phạm Thị Thu H thanh toán cho bà Phan Thị X đủ số tiền gốc và lãi nêu trên, bà Phan Thị X trả lại cho bà Phạm Thị Thu H các loại giấy tờ sau: Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 070417 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/10/2007; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày

14/12/2010 tại văn phòng công chứng N, tỉnh Đồng Nai; Hợp đồng ủy quyền ngày 14/12/2010 tại văn phòng công chứng N, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 32/2018/QĐ-BPKCTT ngày 15/10/2018 (đính kèm quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm số 64/2018/QĐ-SCBS ngày 18/10/2018) của Tòa án nhân dân quận T để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thu H phải nộp án phí là 64.335.799 đ (Sáu mươi bốn triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn bảy trăm chín mươi chín đồng).

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 36.500.000 đ (Ba mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007067 ngày 27/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. T;
- THADS Q. T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Vân

